

Số: **146/2025/QĐST-HNGĐ**

Hàm Yên, ngày 30 tháng 6 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 142/2025/TLST-HNGĐ, ngày 20 tháng 6 năm 2025, giữa:

** Nguyên đơn:* Bà Đàm Thị B, sinh năm 1972;

Địa chỉ: Thôn Thái Khao, xã Y, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

** Bị đơn:* Ông Bàn Kim H, sinh năm 1973;

Địa chỉ: Thôn Thái Khao, xã Y, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ vào Điều 212, 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 20 tháng 6 năm 2025.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 20 tháng 6 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Bà Đàm Thị B và ông Bàn Kim H.

Giấy chứng nhận kết hôn số 03 do Ủy ban nhân dân xã Y, huyện H, tỉnh Tuyên Quang, cấp ngày 08 tháng 01 năm 2008 cho bà Đàm Thị B và ông Bàn Kim H không còn giá trị pháp lý.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Giao cháu Bàn Văn N, sinh ngày 22 tháng 12 năm 2007 cho bà Đàm Thị B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông Bàn Kim

H không phải cấp dưỡng nuôi con chung do bà B chưa có yêu cầu; ông H có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

Các đương sự có quyền đề nghị thay đổi người trực tiếp nuôi con chung, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn.

Cháu Bàn Thị N, sinh ngày 19 tháng 8 năm 2003, là con chung của bà B và ông H, cháu N hiện đã trên 18 tuổi, có khả năng lao động và sống tự lập, ông H và bà B không đề nghị Tòa án giải quyết về phần nuôi con chung đối với cháu N.

- Về tài sản, đất đai chung: Các đương sự đều xác định tự thỏa thuận về tài sản chung, không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về vay nợ chung: Các đương sự đều xác định không có vay nợ chung, không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Miễn nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm đối với bà Đàm Thị B và ông Bàn Kim H theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- UBND xã Y (nơi ĐKKH);
- Đương sự;
- Lưu.

THẨM PHÁN

Lương Thanh Huyền

